TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 59/2017/QĐST - HNGĐ	*B, ngày 05 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2017/TLST – HNGĐ ngày 11/7/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Xóm X, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Xóm Y, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn**: Anh Đào Văn H, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/8/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/8/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Xóm X, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Xóm Y, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam và anh Đào Văn H, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm X, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Đào Trần Huyền M, sinh ngày 28/02/2016 cho chị Trần Thị Lan A nuôi dưỡng. Anh Đào Văn H góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu M cho chị A mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; việc góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện hàng

tháng. Chị A và các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chị A có đơn yêu cầu thi hành án, anh H còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Trần Thị Lan A và anh Đào Văn H không đề nghị Toà án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Lan A và anh Đào Văn H, mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi nhăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đào Văn H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của chị A và anh H, chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0001040 ngày 11/7/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng mà chị A, anh H phải chịu. Chị A, anh H đã thi hành xong phần án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã N, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
Đặng Trần Anh Dũng
Đã ký